TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST
Ngày 11-10-2019
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hà Thị Hải

2. Ông Nguyễn Văn Lợi

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Phan Thị Hải- Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thanh Nga - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê- tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 195/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc: "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2019/QĐXX-ST ngày 03 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1- ***Nguyên đơn***: Anh Hà Văn L - sinh năm 1980; nơi cư trú: Khu L, xã Văn Khúc, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2- ***Bị đơn***: Chị Hoàng Thị H - sinh năm 1981; nơi ĐKHKTT: Khu L, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/6/2019 và trong quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn là anh Hà Văn L trình bày: Anh và chị H tự nguyện kết hôn với nhau ngày 06/10/2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau

khi kết hôn, vợ chồng anh ở chung nhà với gia đình bố mẹ đẻ của anh tại xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ và làm ruộng. Qúa trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi bất hòa. Mặc dù đã được gia đình hai bên nhiều lần khuyên giải nhưng không đạt kết quả. Do xảy ra nhiều mâu thuẫn căng thẳng nên từ cuối năm 2010 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuận vợ chồng đã trầm trọng nên anh L đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh Hà Văn L trình bày vợ chồng có 01 con chung là Hà Anh T - sinh ngày 12/01/2005. Hiện nay đang ở cùng anh L. Nếu ly hôn, anh L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Anh Hà Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, niêm yết công khai các văn bản tố tụng và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật, nhưng chị Hoàng Thị H luôn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không thu thập được lời trình bày của chị H.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định:

- Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn không có mặt trong quá trình giải quyết, xét xử mà không có lý do là chấp hành pháp luật chưa nghiêm túc, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 luật thi hành án dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Văn L được ly hôn chị Hoàng Thị H.

+ Về con chung: Giao cho anh Hà Văn L trực tiếp nuôi con chung là Hà Anh T - sinh ngày 12/01/2005 cho đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì anh L không yêu cầu. Chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

+ Về án phí: Anh L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chị H là tại xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Anh L yêu cầu ly hôn và nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật giải quyết là tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh L và chị H bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên, đó là hôn nhân hợp pháp. Chứng cứ thu thập được cho thấy, vợ chồng chúng sống được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra tranh cãi bất hòa. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống. Từ năm 2010 đến nay, chị H đi khỏi địa phương và vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh L yêu cầu ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3]. Về con chung: Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, anh L là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, bảo đảm cho con chung có cuộc sống ổn định về vật chất và tinh thần. Đồng thời, con chung đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng được sống cùng anh L. Do vậy, cần giao con chung cho anh L được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì anh L không yêu cầu.

[4]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Anh L không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

[5]. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Do anh Long yêu cầu nên anh L phải chịu 3.055.000đồng.

[5]. Về án phí: Anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điều 180; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 luật thi hành án dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Văn L được ly hôn chị Hoàng Thị H.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Hà Anh T- sinh ngày 12/01/2005 cho anh Hà Văn L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Hoàng Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì anh L không yêu cầu.

2.2. Chị Hoàng Thị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Anh Hà Văn L phải chịu 3.055.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền lệ phí anh L đã nộp là 3.055.000đồng. Anh L đã nộp đủ tiền lệ phí.

4. Về án phí: Anh Hà Văn L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003307 ngày 08/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Anh L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho bị đơn hợp lệ hoặc được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Cẩm khê;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- THADS Cẩm khê;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Văn Thắng